TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/DS-ST
Ngày: 29- 9- 2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hoa

Ông Lê Ngọc Phi.

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Ảnh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh

-***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.***

Ngày 29 tháng 09 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 72A/2025/QĐXXST- DS ngày 15/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Số 442 N, phường A, Quận B, Thành phố H (nay là Số 442 N, phường B, Thành phố H).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh H, Chức vụ: giám đốc Phòng Quản lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh N, Chức vụ: nhân viên xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà A, 444A-446 C, phường C, Quận D, Thành phố H (nay là Lầu 8, Tòa nhà A, 444A-446 CMT8, phường N, Thành phố H)

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 077077000019 ngày cấp: 15/4/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ 9, Thôn G, xã S, huyện C, tỉnh B (nay là Tổ 9, Thôn G, xã N, Thành phố H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A cấp tín dụng cho ông Nguyễn Thanh P căn cứ theo: giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 22/8/2022; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản khác của ông Nguyễn Thanh P ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Chi tiết như sau: Số thẻ tín dụng: 4365998000324182; Ngày cấp: 24/8/2022; Loại thẻ: Visa Signature; Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: Tháng 8/2025; Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A- là một phần không tách rời của giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân. Cụ thể: Từ ngày 24/8/2022 (ngày cấp thẻ tín dụng) đến trước ngày chuyển nợ quá hạn (20/9/2023): Lãi suất trong hạn: 30%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% x 30% = 45%/năm, áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn đến nay. Về phí: bao gồm phí thường xuyên, phí rút tiền mặt, phí không thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu, phí in (cấp) Pin, phí SMX banking (thông báo tin nhắn), phí mất (thất lạc) thẻ: Mức phí cụ thể được quy định tại Biểu lãi suất và phí.

Ông Nguyễn Thanh P đã sử dụng thẻ với tổng số tiền là 177.381.000 đồng (giao dịch bằng thẻ); và đã thanh toán cho ACB số tiền (gốc, lãi, phí) tổng cộng 124.060.470 đồng, cụ thể: Kể từ ngày sử dụng thẻ đến trước ngày chuyển nợ quá hạn (ngày 20/9/2023): Thanh toán 124.060.470 đông. Thứ tự thanh toán số dư nợ được quy định trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn (20/9/2023) đến nay, ông Nguyễn Thanh P thanh toán được cho ACB số tiền 36.146.859 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Thanh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với A (quy định tại Điều 10.1 của Bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB). Ông Nguyễn Thanh P đã nhiều lần không thanh toán đầy đủ cho A theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Vì vậy ngày 20/9/2023 A đã chuyển nợ thẻ tín dụng sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Nguyễn Thanh P. Ngày 15/5/2024, A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 29/9/2025, ông Nguyễn Thanh P còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 132.979.554 đồng *(một trăm ba mươi hai triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm năm mươi bốn đồng)*, trong đó: Nợ gốc là 76.724.680 đồng; Lãi quá hạn là 56.254.874 đồng. Tổng cộng:

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc ông Nguyễn Thanh P phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 29/9/2025 là 132.979.554 đồng, trong đó: nợ gốc là 76.724.680 đồng, lãi quá hạn là 56.254.874 đồng.

- Buộc ông Phong phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB kể từ ngày 30/9/2025 cho đến ngày trả hết nợ.

2. Đối với bị đơn: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh P vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

Theo kết quả tại Biên bản xác minh ngày 27/3/2025 tại Công an xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Công an xã Ngãi Giao, Thành phố Hồ Chí Minh) thì được biết ông Nguyễn Thanh P có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại Tổ 9, thôn G, xã S, huyện C, tỉnh B (nay là xã N, Thành phố H).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng*:*

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP A (A) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh P phải trả số tiền vay chưa thanh toán theo Giấy Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân của ông Nguyễn Thanh P ngày 22/8/2022 đã ký giữa hai bên và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản khác của ông P ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng"; Nơi cư trú của ông Nguyễn Thanh P là Tổ 9, thôn G, xã S, huyện C, tỉnh B (nay là xã N, Thành phố H) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự).

[1.2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt. Tuy nhiên, Viện kiểm sát khu vực 14 đã có Công văn số 70/CV-VKS ngày 03/9/2025, có nội nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 không tham gia phiên tòa xét xử vụ án trên.

[1.3] Về sự mặt của đương sự: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh P vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Thanh P đã ký kết với Ngân hàng TMCP A Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 22/8/2022; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản khác của ông Nguyễn Thanh P ký với Ngân hàng TMCP A về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự trong các Hợp đồng trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên thỏa thuận này có giá trị pháp lý.

[2.2] Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Thanh P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 30%/năm (lãi trong hạn). Ông P được sử dụng thẻ trong hạn mức tín dụng được cấp. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 177.381.000 đồng. Mức lãi suất, phí và cách tính lãi, phí được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí do A phát hành trong từng thời kỳ. Biểu lãi suất và phí là một phần không tách rời của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, A có thể thay đổi Biểu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng thẻ của Chủ thẻ (Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng). Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 160.207.329 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Do ông P vi phạm hợp đồng nên ngày 20/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, và chuyển toàn bộ dư nợ ông P theo quy định của Ngân hàng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn tại Điều 10 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[2.3] Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/08/2022, ông P đã cam kết: *"Bằng việc ký tên vào giấy đề nghị này, Tôi/chúng tôi xác nhận Tôi/Chúng tôi đã được cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm, biểu phí, mẫu biểu Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ, các điều khoản và điều kiện liên quan đến việc mở và sử dụng thẻ và những quy trình bắt buộc khi cấp hạn mức tín dụng tại A. Tôi/Chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý bị ràng buộc bởi các Điều khoản, Điều kiện của A được công bố trên webside chính thức của A hoặc dưới hình thức khác,... A có quyền sửa đổi, bổ sung Bản Điều khoản và Điều kiện nêu trên và thông báo công khai trên Webside chính thức của A hoặc thông báo dưới các hình thức khác. Tất cả các thông báo (nếu có) về việc thay đổi bất kỳ điều kiện, điều khoản nào của các Bản điều khoản và Điều kiện nêu trên sẽ trở thành một phần không thể tách rời của các Bản điều khoản và điều kiện nêu trên. Bằng việc tiếp tục sử dụng thẻ tôi/chúng tôi đồng ý với các nội dung sửa đổi, bổ sung trên Bản Điều khoản và Điều kiện của A…."*.

Bằng việc ký vào giấy đề nghị này, ông Ph đồng ý việc Ngân hàng TMCP A chủ động xem xét cấp hạn mức và phát hành thẻ tín dụng với hạn mức, thời hạn, lãi suất, phí, …theo quy định của Ngân hàng A. Khi kích hoạt thành công thẻ tín dụng thì ông P đồng ý với việc sử dụng thẻ tín dụng và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại giấy đề nghị này, các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các văn bản có giá trị tương đương. Và ngân hàng đã áp dụng lãi suất 30%/năm là phù hợp với Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng A tại cùng thời điểm và quy định của Thông tư 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Ngân hàng A. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 76.724.680 đồng làm nợ gốc. Áp dụng lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm chuyển quá hạn. Việc quy định này phù hợp mục 6, 7 Thông tư 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và tại Điều 10, 11 của Bản Điều Khoản và Điều kiện Phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A.

Về Lãi suất quá hạn: Ngân hàng đã tính theo đúng quy định.

Từ phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với ông Nguyễn Thanh P. Buộc ông Nguyễn Thanh P phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền (tạm tính đến ngày xét xử là ngày 29/9/2025) là 132.979.554 đồng (một trăm ba mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm năm mươi bốn đồng), trong đó: Vốn gốc là 76.724.680 đồng và nợ lãi quá hạn: 56.254.874 đồng, theo Giấy Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân của ông Nguyễn Thanh P ngày 22/8/2022 đã ký giữa hai bên và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A. Và ông P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả nợ xong theo lãi suất theo thỏa thuận được quy định tại Hợp đồng.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh P phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng được Tòa án chấp nhận là 6.648.978 đồng *(sáu triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm bảy mươi tám đồng).*

Ngân hàng TMCP A không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.498.942 đồng *(hai triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi hai đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002636 ngày 25/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự); Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Thông tư 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng nhà nước; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh P về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A (ACB) tổng số tiền (tạm tính đến ngày 29/9/2025) là 132.979.554 đồng (một trăm ba mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm năm mươi bốn đồng), trong đó: Vốn gốc là 76.724.680 đồng và nợ lãi quá hạn: 56.254.874 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thanh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo theo Giấy Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân của ông Nguyễn Thanh P ngày 22/8/2022 đã ký giữa hai bên và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A cho đến khi trả hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh P phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.648.978 đồng *(sáu triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm bảy mươi tám đồng).*

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.498.942 đồng *(hai triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi hai đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002636 ngày 25/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Hạnh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV4- TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.